TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 29- 4-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông
Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2026/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc "*ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con, chia tài sản*".

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 64/2025/HN-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2026/QĐ -PT ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mỹ V, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn:* Ông Bùi Tuyến D, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Nhựt H – Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh V.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Công T, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người kháng cáo*: Ông Bùi Tuyến D là bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 bà Võ Thị Mỹ V trình bày như sau: Bà và ông D cưới nhau và ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 15/01/1992, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên uống rượu, ông D đánh đập bà mỗi khi uống rượu, giờ không còn tình cảm nữa nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Con chung có 02 con chung là Bùi Thị Thùy N, sinh ngày 19/6/1993 và Bùi Đức D1, sinh ngày 09/3/2003, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung không có.

Tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 258, tờ bản đồ số 22, diện tích theo đo đạc là 490,6m^2 và thửa 26, 27 tờ bản đồ số 18, diện tích 5.128,5m^2.

Nguồn gốc đất thửa 258, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã C là nhận chuyển nhượng từ chị ruột ông D là bà Bùi Thị C số tiền 20.000.000 đồng nhưng do muốn khỏi đóng thuế nên làm hợp đồng tặng cho và giấy tờ mua bán hiện nay không còn gì giấy mua bán để trong nhà khi ly thân đã mất, đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi, nhận bằng hiện vật.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 26, 27 tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã C, nguồn gốc đất là vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Hoàng S, bà và ông D cùng đứng tên nên đây là tài sản chung và yêu cầu chia đôi quyền sử dụng đất, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật.

- *Bị đơn ông Bùi Tuyến D trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, ông thống nhất với bà V và đồng ý ly hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm và đã ly thân nên đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung có 02 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B tiền 12.000.000 đồng, ông yêu cầu mỗi người trả 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung:

Đối với thửa đất số 258, tờ bản đồ số 22 đất có nguồn gốc là ông bà để lại cho chị ông là bà Bùi Thị C sau đó bà C mới cho lại ông chứ không có chuyển nhượng như bà V trình bày nên đây là tài sản riêng và không đồng ý chia. Đối căn nhà trên thửa đất 258, tờ bản đồ số 22 ông đồng ý chia bằng giá trị cho bà V.

Đối với thửa đất số 26, 27 tờ bản đồ số 18 nguồn gốc đất là mua của ông Phạm Hoàng S, có xác nhận của ông S, sau đó ông và bà V đứng tên quyền quyền sử dụng đất. Đây không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không đồng ý chia đôi.

Vào năm 2019 ông D và bà V có vay Ngân hàng N1 - Phòng G, vay để trả nợ cho bà V số tiền vay nợ gốc là 150.000.000 đồng và lãi là 29.974.000 đồng, đến ngày 27/7/2022 ông đã trả xong số nợ chung này. Ông yêu cầu bà V phải hoàn lại 1/2 số tiền mà ông đã trả Ngân hàng là 89.987.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8- Vĩnh Long đã tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ V đối với bị đơn ông Bùi Tuyến D về việc "Ly hôn". Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Mỹ V và ông Bùi Tuyến D. Quan hệ hôn nhân của bà V và ông D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà V, ông D có 02 con chung tên Bùi Thị Thùy N sinh ngày 19/6/1993 và Bùi Đức D1 sinh ngày 09/3/2003, hai con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên bà V ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C - Phòng G1 Đại số tiền 12.000.000 đồng. Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Mỹ V đối với ông Bùi Tuyến D đối với thửa đất 26, 27 tờ bản đồ số 18, xã C, tỉnh Vĩnh Long cụ thể như sau:

4.1 Bà Võ Thị Mỹ V được nhận quyền sử dụng đất diện tích 956,5m^2 thuộc thửa 26 và diện tích 1.355,5m^2 thuộc thửa 27-2 cùng tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long.

4.2 Ông Bùi Tuyến D được nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.785,7m^2 thuộc thửa 27-1 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long.

4.3 Buộc Ông Bùi Tuyến D phải hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ V giá trị diện tích đất chênh lệch của thửa 26, 27 tờ bản đồ số 18 xã C tỉnh Vĩnh Long với số tiền là 189.480.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

4.4 Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên Bùi Tuyến D, Võ Thị Mỹ V với số thửa, tờ bản đồ và địa chỉ đất nêu trên sang tên cá nhân bà Võ Thị Mỹ V và cá nhân ông Bùi Tuyến D.

4.5 Bà Võ Thị Mỹ V, ông Bùi Tuyến D được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh thông tin để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất, tờ bản đồ và địa chỉ thửa đất nêu trên.

4.6 Đối với các cây dừa trên các thửa đất nêu trên, bà V, ông D không có yêu cầu giải quyết nên ghi nhận. Như vậy, các cây dừa trên thửa đất ai nhận sẽ được hưởng các cây dừa trên thửa đất được nhận.

4.7 Công nhận và xác định thửa 27-3 và thửa 28-2 tờ bản đồ số 18, xã C, tỉnh Vĩnh Long là lối đi chung của bà Võ Thị Mỹ V và ông Bùi Tuyến D từ thửa đất 26, 27-1, 27-2 tờ bản đồ số 18 ra tới đường công cộng.

4.8 Phần lối đi này bà V, ông D chỉ được sử dụng vào mục đích làm lối đi chung không được dùng vào mục đích gì khác.

4.9 Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà V, ông D đối với diện tích đất làm lối đi nêu trên.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ V về việc yêu cầu chia tài sản chung là nhà và mái che trên thửa đất 258 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể:

5.1 Buộc ông Bùi Tuyến D phải hoàn lại ½ giá trị nhà G1, G2 và mái che cho bà Võ Thị Mỹ V số tiền là 57.674.800 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn, tám trăm đồng)*.

5.2 Ông Bùi Tuyến D được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt các căn nhà G1, G2 và mái che trên thửa đất 258 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long sau khi hoàn giá trị cho bà V.

5.3 Bà Võ Thị Mỹ V được quyền lưu cư trong các căn nhà nêu trên trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thị Mỹ V đối với ông Bùi Tuyến D về việc yêu cầu chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất thửa 258 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long.

7. Buộc ông Bùi Tuyến D phải hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ V công sức đóng góp, duy trì phát triển thửa đất 258 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long với số tiền 257.817.500 đồng (*Hai trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng*).

8. Ghi nhận bà Võ Thị Mỹ V, ông Bùi Tuyến D không yêu cầu giải quyết các tài sản là các vật dụng trong nhà, các cây trồng trên đất và các tài sản khác của bà V, ông D nên ghi nhận nên không xem xét đến.

9. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Tuyến D về việc đòi tài sản yêu cầu bà Võ Thị Mỹ V trả số tiền 89.987.000 đồng (*T1 mươi chín triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn đồng*).

10. Buộc bà Võ Thị Mỹ V phải hoàn lại ½ giá trị thửa đất 28-2 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long cho ông Bùi Tuyến D với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, chi phí thẩm định nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/9/2025 ông Bùi Tuyến D kháng cáo yêu cầu:

- Chia cho ông được hưởng 2/3 diện tích, cây trồng trên thửa đất số 27, tờ bản đồ 18, diện tích 4.172m^2.

- Không chấp nhận chia đôi thửa đất số 258, tờ bản đồ số 18, diện tích 490,6m^2 vì đây tài sản ông được tặng cho riêng.

- Buộc Võ Thị Mỹ V có trách nhiệm trả lại cho ông ½ số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng cùng ½ số tiền đã đóng lãi là 14.987.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Tuyến D: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Tuyến D sửa bản án sơ thẩm: Chia cho ông được hưởng 2/3 diện tích, cây trồng trên thửa đất số 27, tờ bản đồ 18, diện tích 4.172m^2 do ông D có nhiều công sức cải tạo giữ gìn đất. Không chấp nhận chia đôi thửa đất số 258, tờ bản đồ số 18, diện tích 490,6m^2 vì đây tài sản ông được tặng cho riêng. Buộc Võ Thị Mỹ V có trách nhiệm trả lại cho ông ½ số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng cùng ½ số tiền đã đóng lãi là 14.987.000 đồng vì sau khi vay ông D dùng tài sản riêng của ông D trả Ngân hàng khi vợ chồng ly thân.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Bùi Tuyến D không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa bà V đồng ý nhận 20% giá trị thửa đất 258 bằng

180.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sửa bản án sơ thẩm phần thửa đất này. Giữ nguyên bản án sơ thẩm các phần kháng cáo khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Bùi Tuyến D kháng cáo yêu cầu chia cho ông được 2/3 diện tích 4.172m^2 thửa đất số 27, tờ bản đồ 18. Thửa đất này Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất cho ông D và bà V trong thời kỳ hôn nhân nên xem là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại điều 33 Luật hôn nhân gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi mỗi người hưởng phân nữa, chia hiện vật cho ông D hưởng 2.816,6 m^2 ông D thanh toán giá trị chênh lệch cho bà V là đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông D.

[2] Xét kháng cáo của ông Bùi Tuyến D không đồng ý chia thửa đất số 258, tờ bản đồ số 18, diện tích 490,6m^2 vì đây là tài sản ông được tặng cho riêng. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/9/2010 Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho cá nhân ông Bùi Tuyến D do được tặng cho từ chị Bùi Thị C. Sau đó ông D và bà V xây dựng nhà ở trên thửa đất này Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản riêng của ông D chỉ chia giá trị nhà và công trình phụ cho bà V. Giá trị đất 490,6 m^2 x 1.835.000 đ = 900.251.000 đ. Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức đóng góp của bà V bằng 140,5 m^2 tương đương 257.817.500 đồng.

Nhận thấy thửa đất này ông D bà V chỉ xây dựng nhà để ở, bà V không có công sức tạo lập cải tạo đất. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý nhận phần công sức giữ gìn đất của bà V bằng 20% tương đương 180.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mức công sức cùng giữ gìn sử dụng đất của bà V bằng 20% giá trị đất là tương xứng với công sức của bà V nên ghi nhận. Buộc anh D thanh toán cho chị V bằng 180.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của ông Bùi Tuyến D yêu cầu buộc bà Võ Thị Mỹ V có trách nhiệm trả lại số tiền vay Ngân hàng ông đã trả, số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng, tiền lãi 14.987.000 đồng.

Ngày 09/8/2019 ông Bùi Tuyến D vay Ngân hàng N1 – Phòng G số vố 150.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay bo nhãn và nuôi bò sinh sản. Đến 27/7/2022 ông D đã thanh toán xong vốn và lãi cho Ngân hàng. Ông D cho rằng vay Ngân hàng để trả nợ cho bà V nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông vay nợ về để trả nợ riêng cho bà V theo hợp đồng vay thì mục đích phát triển kinh tế gia đình đến hạn thanh toán anh D cũng trả xong vốn và lãi. Đến tháng 02 năm 2024 chị V mới xin ly hôn . Số nợ Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân và đã trả xong. Ông D yêu cầu bà V trả lại cho ông phân nữa là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết có trong vụ án nên được chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 37, Điều 58 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Tuyến D.

- Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 64/2025/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chia cho Bà Võ Thị Mỹ V được nhận quyền sử dụng đất diện tích 956,5m^2 thuộc thửa 26 và diện tích 1.355,5m^2 thuộc thửa 27-2 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Chia Ông Bùi Tuyến D được nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.785,7m^2 thuộc thửa 27-1 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc Ông Bùi Tuyến D phải hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ V giá trị diện tích đất chênh lệch của thửa 26, 27 tờ bản đồ số 18 tại xã C tỉnh Vĩnh Long với số tiền là 189.480.000 đồng *(Một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).*

2. Ông Bùi Tuyến D được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt các căn nhà G1, G2 và mái che trên thửa đất 258 tờ bản đồ số 18 diện tích 490,6 m^2 tại xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Bùi Tuyến D thanh toán cho bà Võ Thị Mỹ V công sức giữ gìn thửa đất 258 tờ bản đồ số 18 xã C, tỉnh Vĩnh Long với số tiền 180.000.000 đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng).*

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Tuyến D về việc yêu cầu bà Võ Thị Mỹ V trả số tiền 89.987.000 đồng do ông D vay của Ngân hàng N1 – Phòng G .

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo tiếp tục có hiệu lực thi hành khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Tuyến D không phải chịu. Hoàn trả cho ông D đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002976 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông **Nguyễn Thị Tư**

Lê Thành Trung

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 8- Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8- Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung